| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 8 – 2021
V/v: *Kiện xin ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Phúc Nam

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hà Xuân Hiền

Bà Lê Thị Thuý Mai

*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:148/2021/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Mỹ T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Mạnh H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Nhà số A, ngõ số B đường T, tổ dân phố X, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Về quan hệ hôn nhân*:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/5/2021, được bổ sung tại bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Lê Mạnh H có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh khánh Hoà, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn, sau đó chị T về chung sống với bố mẹ đẻ còn anh H về quê sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay,

vợ chồng bỏ mặc, không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị T cảm thấy đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về nuôi con chung*: Chị T trình bày, quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là cháu Lê Đặng Thục L, sinh ngày 29/6/2013. Hiện nay cháu Thục L đang sinh sống cùng với anh H; nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn là giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện nay cháu đang sinh sống và học tập ổn định cùng với anh H. Anh H cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 15/6/2021 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/7/2021 bị đơn anh Lê Mạnh H trình bày: Anh và chị Đặng Thị Mỹ T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hoà. Quá trình chung sống sau khi kết hôn thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống còn anh H và con gái về quê nội sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay, bỏ mặc, không còn quan tâm đến nhau đúng như chị T đã trình bày. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Anh H thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Đặng Thục L, sinh ngày 29/6/2013. Hiện nay cháu Thục L đang sinh sống cùng với anh H. Nguyện vọng của anh H là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Anh H đã đến Tòa án để làm bản tự khai, chị T đã làm bản tự khai và gửi cho Tòa án. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị T đã làm đơn gửi Tòa án trình bày về việc hiện nay do tính chất công việc và điều kiện hoàn cảnh, bản thân chị T sau khi nộp đơn khởi kiện ly hôn xong đã vào Khánh Hòa sinh sống. Hiện nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 tại tỉnh Khánh Hòa và cả nước đang diễn biến rất phức tạp. Bản thân chị T đang thực hiện việc cách ly và lấy mẫu xét nghiệm, theo dõi tình hình dịch bệnh Covid-19, sau đó thực hiện các biện pháp giản cách xã hội, hạn chế tiếp xúc, chỉ ra ngoài trong trường hợp khẩn thiết theo chỉ thị số 16/CT-TTg về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 nên không thể có mặt tại phiên họp theo thông báo của Tòa án đồng thời đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T. Do đó,

Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tống đạt cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2021, bị đơn anh Lê Mạnh H có đơn trình bày về việc hiện nay anh H và gia đình là hộ thuộc diện cách ly trong khu vực phong tỏa phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình nên không thể có mặt tại phiên tòa đúng như triệu tập của Tòa án được và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Mạnh H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị Mỹ T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Lê Mạnh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số A, ngõ số B đường T, tổ dân phố X, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh H đã làm bản tự khai gửi cho Tòa án. Sau khi Tòa án tống đạt thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do hiện đang thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên không thể có mặt để tham gia phiên họp theo đúng thời gian mà Tòa án đã triệu tập. Chị T, anh H đã làm đơn trình bày sự việc và xin xét xử vắng mặt, có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ T và bị đơn anh Lê Mạnh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ T và anh Lê Mạnh H đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh khánh Hoà và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do sự khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng. Đời sống chung của vợ chồng chỉ kéo dài được một thời gian ngắn, sau đó chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh H đưa con gái về sống ở quê nội tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, bỏ mặc, không có trách nhiệm gì với nhau. Điều

này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc, chị T làm đơn xin ly hôn, anh H cũng nhất trí ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh H đều thống nhất trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Đặng Thục L, sinh ngày 29/6/2013. Hai bên đều thống nhất sau ly hôn sẽ giao con chung là cháu Lê Đặng Thục L, sinh ngày 29/6/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn chính đáng, không trái quy định pháp luật nên cần áp dụng Điều 58, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Đặng Thục L, sinh ngày 29/6/2013. Chị T không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị T và anh H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị T, anh H không phát sinh thêm yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Chị T, anh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên chị T thoả thuận chịu nộp thay anh H tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Đặng Thị Mỹ T không phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Xử:

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Mỹ T và anh Lê Mạnh H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao anh Lê Mạnh H trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Đặng Thục L, sinh ngày 29/6/2013. Chị Đặng Thị Mỹ T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chứcđược quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*3. Về án phí:*

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Chị T, anh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên chị T thoả thuận chịu nộp thay anh H tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0001926 ngày 13/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Đặng Thị Mỹ T không phải chịu.

Án xử công khai Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Phúc Nam**